

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07-3-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Trọng Hiếu;
- Ông Nguyễn Văn Tạo;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 622/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Mộng T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Long An, có mặt

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Mộng T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Bà T và ông L sinh sống với nhau từ năm 1992. Hôn nhân của vợ chồng bà là tự nguyện, có tình cảm nhau vài năm. Vợ chồng bà có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 241, quyển số II, ngày 20/12/2002. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông L có quan hệ tình cảm với người khác. Vợ chồng bà đã sống riêng với nhau từ năm 2010. Bà T không còn tình cảm vợ chồng với ông L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Vợ chồng 02 con chung, tên con chung tên Nguyễn Thị Hoàng Cẩm H, sinh ngày 16/6/1992 và Nguyễn Hữu H1, sinh ngày 09/6/1997. Hiện nay hai con chung đã đủ 18 tuổi, bà T không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn L. Ông L không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của bà T và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Trần Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Cần Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông L.

[2] Về hôn nhân: bà Trần Thị Mộng T và ông Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 241, quyển số II, ngày 20/12/2002 nên xác định hôn nhân của vợ chồng bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông L có quan hệ tình cảm với người khác. Vợ chồng bà đã sống riêng với nhau từ năm 2010. Còn về phía ông L, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho ông L, nhưng ông L không đến Tòa án tham gia hòa giải, không trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, không đưa ra phương án đoàn tụ. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông L không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông L.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng 02 con chung, tên con chung tên Nguyễn Thị Hoàng Cẩm H, sinh ngày 16/6/1992 và Nguyễn Hữu H1, sinh ngày 09/6/1997. Hiện nay hai con chung đã đủ 18 tuổi, bà T không có yêu cầu gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông L không có ý kiến gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có, ông L không có ý kiến gì về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mộng T về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Mộng T được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm lý hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002710 ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cần Đước sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- THADS huyện Cần Đước;
- UBND xã Tân Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Võ Thu Xuân